

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU  
NGÔ QUYỀN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010**

## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán ngày 30 tháng 06 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 24

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

---

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

### **1. Các thông tin chung**

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 03 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.000.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

### **2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong 6 tháng đầu năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Chủ tịch
Ông Võ Thế Trọng	Thành viên
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Huỳnh Châu Sang	Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Giám đốc
Ông Võ Thế Trọng	Phó Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

## **BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC**

---

### **3. Tình hình kinh doanh**

Các số liệu về tình hình kinh doanh cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được soát xét bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### **4. Cam kết của Giám đốc**

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty sau ngày 30 tháng 06 năm 2010 mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### **5. Kiểm toán viên**

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty.

### **6. Ý kiến của Giám đốc**

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2010*

**GIÁM ĐỐC**

**HUỲNH CHÂU SANG**

Số: 11.162/BCSX-DTL

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán vào ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền (dưới đây gọi tắt là Công ty). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi có ghi nhận một số vấn đề sau:

1/ Công ty đã hạch toán giảm chi phí trong kỳ với số tiền là 368 triệu đồng. Khoản chi phí này là do đơn vị tự tính toán trên cơ sở phần vốn tự có mà Công ty đã sử dụng trong việc mua sắm tài sản ở nhà máy mới tại khu cảng cá Tắc Cậu với lãi suất 0,03%/ ngày.

2/ Công ty cũng đã thực hiện vốn hoá phần chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ để đầu tư các tài sản trên với số tiền 180 triệu đồng thay vì ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

Như vậy, nếu hai khoản trên được hạch toán đầy đủ vào chi phí thì kết quả kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ sẽ giảm đi một khoản là 548 triệu đồng.

*(Phần tiếp theo ở trang 4)*

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2010*

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**LỤC THỊ VÂN**  
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

**NGUYỄN CHÁNH THÀNH**  
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYÊN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47.077.942.574</b>	<b>36.839.282.866</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.277.197.749</b>	<b>1.066.282.773</b>
1. Tiền	111	(5.1)	1.277.197.749	1.066.282.773
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>(5.2)</b>	<b>30.351.761.865</b>	<b>25.320.131.390</b>
1. Phải thu khách hàng	131		10.591.234.450	6.331.866.791
2. Trả trước cho người bán	132		18.249.520.416	17.477.257.600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		1.548.293.035	1.548.293.035
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(37.286.036)	(37.286.036)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.142.352.073</b>	<b>8.785.840.113</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5.3)	14.142.352.073	8.785.840.113
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.306.630.887</b>	<b>1.667.028.590</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		299.632.421	243.583.522
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		737.389.854	1.220.107.542
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		42.408.957	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		227.199.655	203.337.526

*(Phần tiếp theo ở trang 6)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYÊN**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>25.392.123.750</b>	<b>21.586.510.507</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.216.631.617</b>	<b>21.342.693.734</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	7.888.594.900	8.441.974.434
+ Nguyên giá	222		12.724.528.780	12.724.528.780
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.835.933.880)	(4.282.554.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.5)	17.328.036.717	12.900.719.300
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>175.492.133</b>	<b>243.816.773</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		175.492.133	243.816.773
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>72.470.066.324</b>	<b>58.425.793.373</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 7)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.173.391.246</b>	<b>42.460.593.828</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30.853.209.553</b>	<b>18.187.649.799</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.6)	24.848.124.000	13.280.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.839.279.603	2.623.595.026
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		127.555.294	177.101.801
5. Phải trả người lao động	315		399.970.337	858.971.227
6. Chi phí phải trả	316		275.358.850	455.118.957
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		250.992.090	191.302.634
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		111.929.379	601.560.154
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.320.181.693</b>	<b>24.272.944.029</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.7)	27.208.417.923	24.127.539.309
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		111.763.770	145.404.720
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(5.8)	<b>14.296.675.078</b>	<b>15.965.199.545</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>14.296.675.078</b>	<b>15.965.199.545</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.248.459.190	1.154.788.706
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		36.725.725	225.000.531
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.011.490.163	2.585.410.308
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>72.470.066.324</b>	<b>58.425.793.373</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		14.174,60	42.922,22
+ EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2010*

**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN KIM BÚP**

**HUỲNH CHÂU SANG**

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	60.746.990.869	62.453.520.060
2. Các khoản giảm trừ	02			210.581.767
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.746.990.869	62.242.938.293
4. Giá vốn hàng bán	11		55.467.234.150	55.795.980.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.279.756.719	6.446.957.583
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.2)	312.248.600	423.690.627
7. Chi phí tài chính	22	(6.3)	629.318.179	688.629.831
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		532.356.916	532.929.412
8. Chi phí bán hàng	24	(6.4)	2.520.477.241	2.650.235.475
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	1.516.118.062	1.622.324.390
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		926.091.837	1.909.458.514
11. Thu nhập khác	31		10.613.000	
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác	40		10.613.000	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		936.704.837	1.909.458.514
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	93.670.484	201.078.141
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		843.034.353	1.708.380.373
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70		702,53	1.424

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN KIM BÚP**

**HUỲNH CHÂU SANG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		936.704.837	1.909.458.514
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		553.379.534	591.754.998
Các khoản dự phòng	03			18.993.001
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		21.832.978	124.373.184
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.352.801)	
Chi phí lãi vay	06		532.356.916	532.929.412
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>				
	<b>08</b>		<b>2.037.921.464</b>	<b>3.177.509.109</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.605.214.592)	4.121.576.948
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.356.511.960)	3.086.007.954
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		1.473.206.565	894.899.577
Tăng giảm chi phí trả trước	12		12.275.741	(43.271.956)
Tiền lãi vay đã trả	13		(933.013.091)	(532.929.412)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(214.980.546)	(287.106.064)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.143.781.488)	(1.010.195.356)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(8.730.097.907)</b>	<b>9.406.490.800</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.702.348.223)	(2.506.079.626)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.352.801	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.695.995.422)</b>	<b>(2.506.079.626)</b>

*(Phân tiếp theo ở trang 11)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác.*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		76.836.146.064	51.370.853.640
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(62.387.235.000)	(53.485.458.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.800.000.000)	(1.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>12.648.911.064</b>	<b>(3.114.604.360)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>222.817.735</b>	<b>3.785.806.814</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.066.282.773</b>	<b>354.353.775</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.902.759)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>1.277.197.749</b>	<b>4.140.160.589</b>

**KÊ TOÁN TRƯỞNG**

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2010*  
**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN KIM BÚP**

**HUỲNH CHÂU SANG**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Ngô Quyền là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 252/QĐ-UB ngày 16 tháng 02 năm 2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000043 ngày 23 tháng 03 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 03 năm 2009.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại 326-328 Ngô Quyền, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.000.000.000 đồng.

### **1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Chế biến thủy sản xuất khẩu.**

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản;
- Mua bán cá và thủy sản;
- Chế biến sản phẩm từ ngũ cốc;
- Xuất nhập khẩu phụ gia, vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành khai thác chế biến thủy sản.

## **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

## **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

*(Phần tiếp theo ở trang 13)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

## 4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## 4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 – 20 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm

## 4.5. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất cho từng khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu là vật tư dùng để sửa chữa phân xưởng sản xuất, và có thời gian phân bổ dưới 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là máy móc thiết bị không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định và những chi phí sửa chữa với thời gian phân bổ từ 1 đến 5 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

## 4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm trên cơ sở 3% quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội.

## 4.7. Lương

Quỹ lương cho khối lao động trực tiếp được tính dựa trên đơn giá tiền lương tính trên khối lượng sản phẩm làm ra.

Quỹ lương cho khối lao động gián tiếp được tạm tính dựa vào doanh số bán ra trong kỳ.

## 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 10% lợi nhuận trước thuế

Quỹ dự phòng tài chính bằng 5% x (lợi nhuận sau thuế - quỹ đầu tư phát triển)

Quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 20% x (lợi nhuận sau thuế - quỹ đầu tư phát triển)

## 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

*(Phần tiếp theo ở trang 15)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

### **4.10. Thuế**

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông báo số 112/TB-CT ngày 02 tháng 08 năm 2005 của Cục Thuế Tỉnh Kiên Giang, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi và giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Trong năm 2009, Công ty xác định mức thuế suất thuế TNDN được ưu đãi là 20% trong thời gian 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **4.11. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### **4.12. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ này.

*(Phần tiếp theo ở trang 16)*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	29.479.740	80.025.270
Tiền gửi ngân hàng	1.247.718.009	986.257.503
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.277.197.749</b>	<b>1.066.282.773</b>

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	10.591.234.450	6.331.866.791
Trả trước cho người bán	18.249.520.416	17.477.257.600
Các khoản phải thu khác	1.548.293.035	1.548.293.035
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>30.389.047.901</b>	<b>25.357.417.426</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(37.286.036)	(37.286.036)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>30.351.761.865</b>	<b>25.320.131.390</b>

Trả trước cho người bán chủ yếu là các khoản trả trước về xây dựng cơ bản với tổng giá trị là 17.999.501.214 đồng.

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua cổ phần của Công ty Chế biến bột cá Kiên Hùng I với tổng số tiền là 1.530.000.000 đồng.

### 5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thành phẩm	11.140.349.830	7.160.029.186
Nguyên liệu, vật liệu	1.777.523.868	848.062.713
Công cụ, dụng cụ	1.224.478.375	777.748.214
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>14.142.352.073</b>	<b>8.785.840.113</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	2.778.091.498	9.063.825.082	762.605.575	120.006.625	12.724.528.780
Mua trong kỳ					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>2.778.091.498</u></b>	<b><u>9.063.825.082</u></b>	<b><u>762.605.575</u></b>	<b><u>120.006.625</u></b>	<b><u>12.724.528.780</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.171.612.982	2.790.707.925	204.577.483	115.655.956	4.282.554.346
Khấu hao trong kỳ	100.283.628	408.565.519	40.994.558	3.535.829	553.379.534
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>1.271.896.610</u></b>	<b><u>3.199.273.444</u></b>	<b><u>245.572.041</u></b>	<b><u>119.191.785</u></b>	<b><u>4.835.933.880</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.606.478.516	6.273.117.157	558.028.092	4.350.669	8.441.974.434
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>1.506.194.888</u></b>	<b><u>5.864.551.638</u></b>	<b><u>517.033.534</u></b>	<b><u>814.840</u></b>	<b><u>7.888.594.900</u></b>

- Toàn bộ tài sản đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay tại các ngân hàng – xem thêm mục 5.6 và 5.7.
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.315.391.434 đồng.

(Phần tiếp theo ở trang 18)

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

---

## **5.5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Đây là chi phí xây dựng Nhà máy Chế Biến Thủy Sản Xuất Khẩu Tắc Cậu – Kiên Giang tại khu cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.

## **5.6. Vay và nợ ngắn hạn**

Vay ngắn hạn là các khoản vay bằng Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam tại các ngân hàng, với lãi suất từ 4,3% đến 5%/năm đối với các khoản vay bằng USD và 10,8%/năm đối với các khoản vay bằng VND. Các khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản cố định và hàng hóa của Công ty - xem thêm mục 5.4.

## **5.7. Vay và nợ dài hạn**

Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang, để đầu tư xây dựng Nhà máy Chế Biến Thủy sản Xuất Khẩu Tắc Cậu – Kiên Giang (theo quy hoạch của Tỉnh Kiên Giang) với thời hạn vay 72 tháng, lãi suất 5%/năm đối với các khoản vay bằng USD, 12%/năm đối với các khoản vay bằng VND. Các khoản vay bằng VND được hỗ trợ lãi suất 2%/năm. Các khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay - xem thêm mục 5.4.

*(Phần tiếp theo ở trang 19)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.*

**5.8. Vốn chủ sở hữu**

**5.8.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	12.000.000.000	728.529.202	355.522.637	465.499.090	13.549.550.929
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	3.749.062.608	3.749.062.608
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	426.259.504	170.503.802	(596.763.306)	-
Giảm khác	-	-	(301.025.908)	(1.032.388.084)	(1.333.413.992)
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>1.154.788.706</b>	<b>225.000.531</b>	<b>2.585.410.308</b>	<b>15.965.199.545</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	843.034.353	843.034.353
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	-	93.670.484	37.468.194	(131.138.678)	-
Giảm khác	-	-	(225.743.000)	(2.285.815.820)	(2.511.558.820)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>1.248.459.190</b>	<b>36.725.725</b>	<b>1.011.490.163</b>	<b>14.296.675.078</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 5.8.2. Cổ phần

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	1.200.000	1.200.000

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành là 10.000 đồng/ cổ phần.

## 5.8.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	843.034.353	1.708.380.373
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.200.000	1.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>702,52</b>	<b>1.424,00</b>

## 5.8.4. Phân phối lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	2.585.410.308	465.499.090
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	843.034.353	1.708.380.373
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(93.670.484)	(200.939.218)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(37.468.194)	(80.379.687)
Trích lập Quỹ khen thưởng	(238.099.387)	(321.518.748)
Thù lao HĐQT, BKS kiêm nhiệm	(179.820.000)	(131.709.000)
Chia cổ tức	(1.800.000.000)	-
Các khoản khác	(67.896.433)	(64.002.952)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>1.011.490.163</b>	<b>1.375.329.858</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Doanh thu bán hàng	60.728.467.156	62.446.991.490
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.523.713	6.528.570
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(210.581.767)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>60.746.990.869</b>	<b>62.242.938.293</b>

### 6.2. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lãi tiền gửi	6.352.801	18.399.049
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.354.617	402.454.431
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.541.182	2.837.147
<b>Tổng cộng</b>	<b>312.248.600</b>	<b>423.690.627</b>

### 6.3. Chi phí hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí lãi vay	532.356.916	532.929.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.587.103	153.427.885
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	29.374.160	2.272.534
<b>Tổng cộng</b>	<b>629.318.179</b>	<b>688.629.831</b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 6.4. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.017.976.949	2.118.757.784
Chi phí bằng tiền khác	502.500.292	531.477.691
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.520.477.241</b>	<b>2.650.235.475</b>

## 6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nhân viên quản lý	893.714.675	887.121.481
Chi phí đồ dùng văn phòng	19.389.205	26.138.441
Thuế, phí và lệ phí	224.534.907	265.612.648
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.810.305	110.593.278
Chi phí bằng tiền khác	264.668.970	332.858.542
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.516.118.062</b>	<b>1.622.324.390</b>

## 6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Tổng thu nhập trước thuế	936.704.837	1.909.458.514
Trừ các khoản không được khấu trừ	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	936.704.837	1.909.458.514
- Thu nhập chịu thuế suất 20%	936.704.837	1.504.166.936
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	405.291.578
Thuế TNDN phải nộp	187.340.967	402.156.282
Thuế TNDN được giảm	93.670.483	201.078.141
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>93.670.484</b>	<b>201.078.141</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỦY SẢN XUẤT KHẨU NGÔ QUYỀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

## 6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	53.358.352.604	47.344.547.051
Chi phí nhân công	4.278.238.667	4.256.396.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	553.379.534	591.754.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.053.181.537	3.205.171.045
Chi phí khác bằng tiền	1.583.449.568	1.637.686.108
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.826.601.910</b>	<b>57.035.555.686</b>

## 7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Giám đốc:

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lương Giám đốc	61.701.385	43.675.443
Thù lao Hội đồng quản trị	13.500.000	12.150.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>75.201.385</b>	<b>55.825.443</b>

## 8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

## 9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 07 năm 2010.

*Kiên Giang, ngày 20 tháng 07 năm 2010*

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN KIM BÚP**

**HUỲNH CHÂU SANG**